TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc Lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2017/DSPT
Ngày 24/7/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;
Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Mậu;
Ông Nguyễn Đức Tân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Nhật Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Hoàng Đức Triết, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2017/QĐPT ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Quách Thị N; Địa chỉ: Số 80 đường H, khu phố X, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị L L là trợ giúp pháp lý của Công ty Luật V.H; địa chỉ: 146/01 đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. **Bị đơn**: Chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D; cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. **Người kháng cáo**: Chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Quách Thị N trình bày: Chị N với chị Bùi Thị L có quan hệ họ hàng nên chị L đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh, chị N đồng ý cho chị L vay nhiều lần như sau:

Ngày 23/3/2016 chị L vay của chị N 50.000.000 đồng; ngày 05/4/2016 chị L vay tiếp 50.000.000 đồng; ngày 23/6/2016 chị L mượn thêm 100.000.000 đồng.

Ngày 16/7/2016 hai bên đã đối chiếu và xác lập giấy mượn tiền với số tiền là 200.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng) chị L hẹn trong ngày 16/7/2016 sẽ thanh toán tiền vay đầy đủ. Về tiền lãi, chị N thừa nhận chị L đã trả được 12.000.000 đồng(mười hai triệu đồng).

Do vợ chồng chị L và anh Hồ Văn D (chồng chị L) cố tình chây ỳ, không thanh toán. Nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị L, anh D phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị N số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 31/11/2016 và tại phiên tòa, chị Bùi Thị L trình bày: Chị L thừa nhận có vay của chị N số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để chị L cho người khác vay lại và hưởng tiền lãi (chị L cho chị Nguyễn Thị H vay lại và nhận lãi từ chị H khoảng hơn 200.000.000 đồng), số tiền hưởng tiền lãi thì chị L có trả cho chị N 12.000.000 đồng, số còn lại dùng cho sinh hoạt của gia đình như mua gạo, mua thức ăn, mua sữa, áo quần cho con và một số công việc khác. Hiện nay, người vay tiền chị L(chị H) đã bỏ trốn nên chị L bị mất và không có khả năng trả nợ. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định còn phải nuôi con nhỏ nên chị L xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Về trách nhiệm của anh Hồ Văn D không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa chị L và chị N.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 29/10/2016, tại phiên tòa anh Hồ Văn D trình bày: Anh D không biết gì về việc vay mượn tiền giữa chị L với chị N nên không chấp nhận yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ của chị L(vợ anh D) thì anh D có thể giúp và tạo điều kiện trả nợ cho chị N. Hiện nay lương anh D không được cao, phải trả nợ Ngân hàng và chi phí sinh hoạt trong gia đình nên chưa có đủ điều kiện trả nợ cho chị N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa đã áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 278; khoản 1 Điều 288; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 20 Điều 3; Điều 27; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Quách Thị N.

Buộc vợ chồng chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền 200.000.000 đồng phát sinh từ việc vay mượn giữa chị N với chị L.

Về án phí: Chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2017, anh Hồ Văn D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do: Không hề biết chuyện vay mượn giữa chị Bùi Thị L(vợ anh

D) với chị Quách Thị N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đưa anh Hồ Văn D vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án là không đúng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh D có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị N là không có cơ sở; đồng thời buộc vợ chồng anh D, chị L chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

Ngày 01 tháng 5 năm 2017, chị Bùi Thị L kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc hai vợ chồng anh D, chị L phải trả cho chị N số tiền 200.000.000 đồng là chưa khách quan, không xem xét hết các yêu cầu của bị đơn. Việc vay mượn tiền của chị N thì anh D không hề biết. Vì vậy, anh D không phải liên đới trả nợ cho chị N. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Hồ Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Hồ Văn D. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Hồ Văn D là bị đơn trong vụ án. Theo khoản 3 Điều 68 BLTTDS bị đơn là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Hồ Văn D bị đơn trong vụ án là đúng quy định của pháp luật

Kháng cáo của bị đơn anh Hồ Văn D và chị Bùi Thị L thì thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 16/7/2016 thể hiện chị Bùi Thị L có vay của chị Quách Thị N số tiền 200.000.000 đồng, hẹn ngày 16/7/2016 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay. Mặc dù, anh D và chị L đều cho rằng; anh D không biết việc vay mượn tiền giữa chị L với chị N nhưng tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được lập ngày 08/12/2016 thì anh Hồ Văn D có trình bày giữa chị N và chị L là chị em họ nên hiểu rõ hoàn cảnh của nhau, hiện tại gia đình anh D đang gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng thanh toán khoản nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Sau đó, giữa vợ chồng anh D, chị L với chị N đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án và Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành ngày 08/12/2016, hai bên xác định số nợ gốc còn nợ của chị Quách Thị N là 200.000.000 đồng và tiền lãi 11.183.000 đồng. Trách nhiệm và phương thức trả nợ là vợ chồng anh Hồ Văn D và chị Bùi Thị L thỏa thuận hàng tháng trả cho chị N 2.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi hết nợ, thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng 01/2017. Về tiền lãi, các bên thỏa thuận tính theo lãi suất ngân hàng là 9%/năm. Sau khi thỏa thuận xong thì trong thời hạn 07 ngày các bên đã thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên. Chị L thừa nhận việc vay mượn tiền của chị N nhằm mục đích cho người khác vay lại để hưởng tiền lãi chêch lệch, số tiền trên chị L dùng

để trả nợ và phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của gia đình. Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định: " Trong trường hợp vợ hoặc chồng xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi là sự đồng ý của bên kia". Trong trường hợp này, anh D không trực tiếp xác lập giao dịch nhưng vẫn được coi là có sự đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh D và chị L phải liên đới trả cho chị N số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Kháng cáo của anh Hồ Văn D về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Quách Thị N số tiền nợ nên buộc chị L và anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Hồ Văn D và chị Bùi Thị Liễu, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 278; khoản 1 Điều 288; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 20 Điều 3; Điều 27; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Quách Thị N số tiền 200.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng) phát sinh từ việc vay mượn giữa chị Quách Thị N với chị Bùi Thị L.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Quách Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.380.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006782 ngày 17/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị L và anh Hồ Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006890 ngày 12/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện H;
- Chi cụcTHADS huyện H;
- VKSND tỉnh Q. Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Oanh